

Số: **3893**/QĐ-UBND

Bình Định, ngày **19** tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình
mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững năm 2017**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002 và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2000/BTC-NSNN ngày 05/10/2017 của Bộ Tài chính về bổ sung dự toán chi Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017, Quyết định số 120/QĐ-TTg ngày 22/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 75/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 3673/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh về tạm ứng kinh phí thực hiện khoán bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng còn thiếu năm 2016;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 603/TTr-STC ngày 16/10/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Phân bổ kinh phí thực hiện khoán bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng còn thiếu năm 2016 và năm 2017 cho ngân sách các huyện và BQL khu kinh tế với tổng số tiền: 13.699.036.000 đồng (*Mười ba tỷ, sáu trăm chín mươi chín triệu, không trăm ba mươi sáu đồng*) (chi tiết theo phụ lục số 01, 02 kèm theo).

2. Thu hồi tạm ứng ngân sách tỉnh năm 2017 kinh phí thực hiện khoán bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng còn thiếu năm 2016 đã tạm ứng cho ngân sách các huyện và BQL khu kinh tế tại Quyết định số 3673/QĐ-UBND của UBND tỉnh số tiền: 3.333.508.000 đồng (*Ba tỷ, ba trăm ba mươi ba triệu, năm trăm lẻ tám đồng*).

3. Nguồn kinh phí thực hiện: từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu tại Quyết định số 2000/BTC-NSNN ngày 05/10/2017 của Bộ Tài chính.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài chính lập thủ tục phân bổ khoản kinh phí nêu tại Điều 1 cho các địa phương, đơn vị. Thủ trưởng các đơn vị chỉ đạo sử dụng khoản kinh phí nêu trên theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện Vân Canh, Hoài Nhơn, Hoài Ân, Phù Cát, Tây Sơn, Phù Mỹ, Giám đốc Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng các huyện Vân Canh, Hoài Nhơn, Hoài Ân, Phù Cát, Tây Sơn, Phù Mỹ, Giám đốc Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ, cảnh quan thành phố Quy Nhơn, Giám đốc BQL khu kinh tế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K13 (20b)



Trần Châu



Phụ lục số: 01

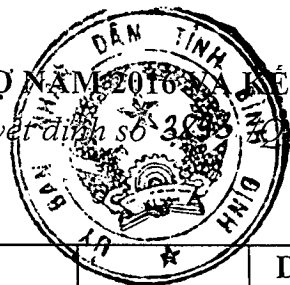
KẾ HOẠCH CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG BẢO VỆ VÀ KHOANH NUÔI TÁI SINH RỪNG NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 3843/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

Hạng mục	Tổng Số	DA BV và PTR PH, CQ TP Quy Nhơn và vùng lân cận	DA BV và phát triển rừng phòng hộ huyện Vân Canh	DA BV và phát triển rừng phòng hộ huyện Hoài Nhơn	DA BV và phát triển rừng phòng hộ huyện Hoài Ân	DA BV và phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng huyện Phù Cát	DA BV và phát triển rừng phòng hộ huyện Tây Sơn	DA BV và phát triển rừng phòng hộ huyện Phù Mỹ	Ban quản lý khu kinh tế tỉnh
1. Khoán bảo vệ rừng	38.540,85	2.294,74	2.183,50	549,89	10.951,07	9.299,81	8.543,48	4.659,96	58,40
a. DT rừng khoán chuyển tiếp	38.483,25	2.237,14	2.183,50	549,89	10.951,07	9.299,81	8.543,48	4.659,96	58,40
b. DT khoán mới	57,60	57,60							
2. Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng	1.323,99		123,00	459,29	195,00			546,70	
DT rừng khoán chuyển tiếp	1.323,99		123,00	459,29	195,00			546,70	





Phụ lục số: 02

NHU CẦU VỐN TRẢ NỢ NĂM 2016 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2017 KHOẢN BẢO VỆ, KHOANH NUÔI TÁI SINH RỪNG

(Kèm theo Quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

Hạng mục	Tổng Số	DA BV và PTR PH, CQ TP Quy Nhơn và vùng lân cận	DA BV và phát triển rừng phòng hộ huyện Vân Canh	DA BV và phát triển rừng phòng hộ huyện Hoài Nhơn	DA BV và phát triển rừng phòng hộ huyện Hoài Ân	DA BV và phát triển rừng phòng hộ, đặc dụng huyện Phù Cát	DA BV và phát triển rừng phòng hộ huyện Tây Sơn	DA BV và phát triển rừng phòng hộ huyện Phù Mỹ	BQL dự án khu kinh tế tỉnh
TỔNG VỐN (A + B)	13.699,036	527,264	505,890	236,722	4.992,636	2.075,466	3.953,552	1.383,016	24,490
<u>A. VỐN THIẾU NĂM 2016</u>	<u>3.333,508</u>	<u>57,425</u>	<u>44,590</u>	<u>27,196</u>	<u>1.519,594</u>	<u>197,633</u>	<u>1.216,672</u>	<u>263,428</u>	<u>6,970</u>
I. Kinh phí giao khoán	3.333,508	57,425	44,590	27,196	1.519,594	197,633	1.216,672	263,428	6,970
1. Khoản bảo vệ rừng	3.307,672	57,425	42,210	18,318	1.515,738	197,633	1.216,520	252,858	6,970
2. Khoanh nuôi tái sinh rừng	25,836		2,380	8,878	3,856		0,152	10,570	
<u>B. KẾ HOẠCH NĂM 2017</u>	<u>10.365,528</u>	<u>469,839</u>	<u>461,300</u>	<u>209,526</u>	<u>3.473,042</u>	<u>1.877,833</u>	<u>2.736,880</u>	<u>1.119,588</u>	<u>17,520</u>
I. Kinh phí giao khoán	10.365,528	469,839	461,300	209,526	3.473,042	1.877,833	2.736,880	1.119,588	17,520
1. Khoản bảo vệ rừng	10.083,390	469,839	436,700	117,668	3.416,702	1.877,833	2.736,880	1.010,248	17,520
a. Kinh phí khoán chuyển tiếp	10.071,870	458,319	436,700	117,668	3.416,702	1.877,833	2.736,880	1.010,248	17,520
b. Kinh phí khoán mới	11,520	11,520							
2. Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng	282,138		24,600	91,858	56,340			109,340	
Kinh phí khoán chuyển tiếp	282,138		24,600	91,858	56,340			109,340	